

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**
Bản án số: 37/2018/ST-HNGĐ
Ngày: 20/8/2018
V/v ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH, TỈNH BÌNH PHƯỚC**
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quốc Tú
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Xuân Đạm
2. Ông Bùi Quang Phú
- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kỷ là thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 294/2018/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Thị D, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 4, ấp Măng Cải, xã Lộc Thiện, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

2. *Bị đơn:* Ông Hồ Văn X, sinh năm 1960 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 4, ấp Măng Cải, xã Lộc Thiện, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 02/7/2018, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Thị D trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân:

Bà Thị D chung sống với ông Hồ Văn X vào năm 1996, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi chung sống thì bà D, ông X sống tại tổ 4, ấp Măng Cải, xã Lộc Thiện, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Bà D và ông X sống hòa thuận đến tháng 5 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do ông X thường xuyên chửi bới, xúc phạm và đánh đập bà D. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 5 năm 2018 đến nay. Nay nhận thấy không thể chung sống với nhau được

nữa nên bà D xin được ly hôn với ông X.

+ Về con chung: Có hai người con chung tên Hồ Xuân Ph, sinh ngày 04/9/1997 và Hồ Xuân N, sinh ngày 23/7/2001. Khi ly hôn bà D xin nuôi con tên Hồ Xuân N và yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi con. Con Hồ Xuân Phượng đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung: Bà D và ông X tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có

- Theo biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, bị đơn ông Hồ Văn X trình bày: Thống nhất với lời trình bày của bà D là có chung sống với nhau từ năm 1996 nhưng không đăng ký kết hôn. Nay bà D xin ly hôn thì ông X không đồng ý ly hôn.

+ Về con chung: Có hai người con chung tên Hồ Xuân Ph, sinh ngày 04/9/1997 và Hồ Xuân N, sinh ngày 23/7/2001. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì ông X đồng ý để bà D nuôi con Hồ Xuân N và đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 800.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi. Con Hồ Xuân Ph đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

+ Về nợ: không có.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh không có kiến nghị gì về tố tụng.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Thị D và ông Hồ Văn X.

+ Về con chung: Giao cháu Hồ Xuân N, sinh ngày 23/7/2001 cho bà Thị D được nuôi dưỡng cho đến khi cháu N trưởng thành. Cháu Hồ Xuân Phượng, sinh năm 1997 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Thị D có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh giải quyết ly hôn với ông Hồ Văn X. Bà D và ông X có hộ khẩu thường trú và làm ăn sinh sống tại tổ 4, ấp Măng Cải, xã Lộc Thiện, huyện Lộc Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, được quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà D chung sống với ông Hồ Văn X vào năm 1996 tại tổ 4, ấp Măng Cải, xã Lộc Thiện, huyện Lộc Ninh nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi chung sống với nhau thì bà D và ông X sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do ông X thường xuyên chửi bới, xúc phạm và đánh đập bà D. Nay nhận thấy không thể chung sống với nhau được nữa nên bà D xin được ly hôn với ông X.

Về phía ông X cũng thống nhất với lời trình bày của bà D về việc có chung sống với bà D từ năm 1996 nhưng không đăng ký kết hôn. Nay bà D xin ly hôn thì ông X không đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bà D và ông X tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1996 nhưng không đăng ký kết hôn mặc dù có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn, nhưng đến nay bà D và ông X vẫn không tiến hành đăng ký kết hôn là vi phạm luật hôn nhân gia đình, nay bà D xin ly hôn, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015, Hội đồng xét xử không công nhận bà D và ông X là vợ chồng.

- Về con chung: Có hai người con chung tên Hồ Xuân Ph, sinh ngày 04/9/1997 và Hồ Xuân N, sinh ngày 23/7/2001. Giữa ông X và bà D thống nhất nếu ly hôn thì bà D nuôi con Hồ Xuân N và ông X cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 800.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi. Con Hồ Xuân Ph đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét các bên tự nguyện thoán thận, không trái quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về tài sản chung: Bà D và ông X tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[5] Về án phí:

- Căn cứ Khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

- Căn cứ vào điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy bà D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng).

- Căn cứ vào điểm b, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì trường hợp các đương sự thỏa thuận được với nhau về mức cấp dưỡng và Ph thức cấp dưỡng trước khi mở phiên tòa nhưng có yêu cầu Tòa án ghi nhận trong bản án, quyết định thì người có nghĩa vụ cấp dưỡng phải chịu 50% mức án phí dân sự sơ thẩm như đối với trường hợp vụ án dân sự không có giá ngạch; trường hợp tại phiên tòa mới thỏa thuận được với nhau thì người có nghĩa vụ cấp dưỡng phải chịu mức án phí dân sự sơ thẩm như đối với trường hợp vụ án dân sự không có giá ngạch; Tại phiên hòa giải ông X và bà D thỏa thuận được với nhau về mức cấp dưỡng nên ông X phải chịu 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 57, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân gia đình năm 2015

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 và Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào điểm a, khoản 5 Điều 27; điểm b, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân gia đình: Không công nhận bà Thị D và ông Hồ Văn X là vợ chồng.

2/ Về con chung: Giao cháu Hồ Xuân N, sinh ngày 23/7/2001 cho bà Thị D được nuôi dưỡng. Cháu Hồ Xuân Phụng, sinh năm 1997 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/ Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Hồ Văn X cấp dưỡng nuôi con Hồ Xuân N hàng tháng, mỗi tháng 800.000đ cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

4/ Về tài sản chung: Bà D và ông X tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5/ Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6/ Về án phí: Buộc bà D phải chịu 300.000đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng bà D đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai thu tiền số 0006016 ngày 20 tháng 7 năm 2018; Ông X phải chịu 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

7/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS huyện Lộc Ninh;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- THA DS huyện Lộc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Quốc Tú